

- Tỷ lệ cổ phần bán cho người lao động trong doanh nghiệp: 36,62%;

- Tỷ lệ cổ phần bán ra ngoài: 12,38%.

Trị giá một cổ phần: 100.000 đồng.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng thuộc Bộ, Tổng giám đốc Công ty Xây lắp điện 3 và Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty cổ phần Xây lắp điện 3.7 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Công nghiệp  
Thứ trưởng

NGUYỄN XUÂN THÚY

### BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

**QUYẾT ĐỊNH** của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư số 823/2003/QĐ-BKH ngày 21/10/2003 về việc ủy quyền cho Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam trong việc hình thành dự án; tiếp nhận, thẩm định hồ sơ

**dự án; cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy phép đầu tư và quản lý hoạt động các dự án đầu tư nước ngoài vào các khu công nghiệp, khu chế xuất trong Khu kinh tế mở Chu Lai.**

### BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

*Căn cứ Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ngày 12 tháng 11 năm 1996 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 2000;*

*Căn cứ Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2000 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và Nghị định số 27/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2003 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2000/NĐ-CP;*

*Căn cứ Quy chế Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu công nghệ cao ban hành kèm theo Nghị định số 36/CP ngày 24 tháng 4 năm 1997 của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;*

Căn cứ Quyết định số 233/1998/QĐ-TTg ngày 01 tháng 12 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân cấp, ủy quyền cấp giấy phép đầu tư đối với các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài;

Căn cứ Quyết định số 108/2003/QĐ-TTg ngày 05 tháng 6 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của Khu kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Quyết định số 184/2003/QĐ-TTg ngày 08 tháng 9 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam tại Tờ trình số 1687/TTr-UB ngày 15 tháng 9 năm 2003,

## QUYẾT ĐỊNH:

### Điều 1.

1. Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam (sau đây gọi là Ban quản lý) là đầu mối hướng dẫn các nhà đầu tư đầu tư vào các Khu công nghiệp, Khu chế xuất thuộc Khu kinh tế mở Chu Lai hoạt động theo Quy chế Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu công nghệ cao ban hành kèm theo Nghị định số 36/CP

ngày 24 tháng 4 năm 1997 của Chính phủ trên địa bàn Khu kinh tế mở Chu Lai.

Hồ sơ dự án đầu tư được lập theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Ủy quyền Ban quản lý tiếp nhận, thẩm định hồ sơ dự án; cấp, điều chỉnh, thu hồi giấy phép đầu tư và quản lý hoạt động các dự án đầu tư nước ngoài đầu tư vào các Khu công nghiệp, Khu chế xuất trong Khu kinh tế mở Chu Lai quy định tại Quyết định này.

**Điều 2.** Các dự án đầu tư Ban quản lý được ủy quyền cấp Giấy phép đầu tư phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Phù hợp với Quy hoạch, Điều lệ và Quy chế hoạt động của Khu kinh tế mở Chu Lai được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Là dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ công nghiệp có quy mô đến 40 triệu đôla Mỹ, trừ những dự án thuộc Nhóm A theo quy định tại Điều 114 Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2000 và được bổ sung, sửa đổi tại khoản 26 Điều 1 Nghị định số 27/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2003 của Chính phủ.

3. Thiết bị, máy móc và công nghệ đáp ứng các quy định hiện hành; trường hợp

không đáp ứng các quy định đó phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý ngành kinh tế - kỹ thuật chấp thuận.

4. Đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường, an toàn lao động và phòng, chống cháy, nổ.

**Điều 3.** Việc xem xét cấp giấy phép đầu tư theo quy trình đăng ký cấp giấy phép đầu tư hoặc quy trình thẩm định cấp giấy phép đầu tư do Ban quản lý thực hiện với sự phối hợp chặt chẽ với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan chức năng của địa phương theo quy định tại các Điều số 104, 105, 106, 107, 108 Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2000 và được bổ sung, sửa đổi tại các khoản 22, 23 Điều 1 Nghị định số 27/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2003.

Ban quản lý có trách nhiệm xây dựng Quy chế phối hợp làm việc với các cơ quan chức năng của địa phương, trình Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam phê duyệt và thông báo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

#### **Điều 4.**

1. Ban quản lý tổ chức thẩm định và tự quyết định việc cấp Giấy phép đầu tư đối với các loại dự án sau:

- Các doanh nghiệp chế xuất có quy mô vốn đầu tư đến 40 triệu đôla Mỹ;

- Các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp có quy mô đến 10 triệu USD và doanh nghiệp dịch vụ công nghiệp có quy mô đến 5 triệu đôla Mỹ và đáp ứng các quy định tại Điều 2 Quyết định này.

2. Thời hạn Ban quản lý thẩm định và cấp Giấy phép đầu tư là 15 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ dự án, không kể thời gian chủ đầu tư sửa đổi, bổ sung hồ sơ xin cấp Giấy phép đầu tư theo yêu cầu của Ban quản lý.

Mọi yêu cầu của Ban quản lý đối với nhà đầu tư về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ xin cấp Giấy phép đầu tư, Giấy phép điều chỉnh được thực hiện trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ dự án.

3. Đối với các dự án đầu tư nằm ngoài các quy định nêu tại khoản 1, Điều này thì trước khi ra quyết định, Ban quản lý có trách nhiệm gửi Tóm tắt dự án tới Bộ Kế hoạch và Đầu tư; lấy ý kiến các Bộ, ngành về những vấn đề thuộc thẩm quyền của các Bộ, ngành.

Các Bộ, ngành được lấy ý kiến về dự án, kể cả trường hợp điều chỉnh Giấy phép đầu tư, có nhiệm vụ trả lời bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ dự án; quá thời hạn nói trên mà không có ý kiến

bằng văn bản thì coi như chấp thuận dự án.

**Điều 5.** Giấy phép đầu tư được soạn thảo theo mẫu do Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn.

Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày cấp Giấy phép đầu tư, Giấy phép điều chỉnh, Ban quản lý gửi Giấy phép đầu tư, Giấy phép điều chỉnh về Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam (bản chính) và Bộ Tài chính, Bộ Thương mại, Bộ quản lý ngành kinh tế - kỹ thuật và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan (bản sao).

**Điều 6.** Đối với các dự án Ban quản lý không được ủy quyền cấp giấy phép đầu tư, sau khi tiếp nhận, Ban quản lý giữ lại 1 bộ hồ sơ (bản sao) và chuyển toàn bộ số hồ sơ dự án còn lại kèm theo ý kiến của Ban quản lý về dự án đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổ chức thẩm định và cấp Giấy phép đầu tư theo quy định tại các Điều 109 và 114 Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2000 và Nghị định số 27/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2003 của Chính phủ.

### **Điều 7.**

1. Ban quản lý hướng dẫn các chủ đầu tư triển khai thực hiện dự án; thực hiện quản lý nhà nước đối với các hoạt động trong các Khu công nghiệp, Khu chế xuất

thuộc Khu kinh tế mở Chu Lai theo các quy định tại Quy chế Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu công nghệ cao ban hành kèm theo Nghị định số 36/CP ngày 24 tháng 4 năm 1997 của Chính phủ.

2. Ban quản lý thực hiện việc điều chỉnh Giấy phép đầu tư đối với các dự án đầu tư đã được ủy quyền cấp Giấy phép đầu tư trong phạm vi hạn mức vốn đầu tư được ủy quyền.

3. Những trường hợp Ban quản lý quyết định với sự thỏa thuận của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

- Do điều chỉnh Giấy phép đầu tư mà vượt quá hạn mức vốn được ủy quyền, thay đổi mục tiêu hoặc bổ sung mục tiêu dự án thuộc Danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện.

- Giảm tỷ lệ góp vốn pháp định của Bên Việt Nam trong các trường hợp liên doanh hoặc chuyển hình thức liên doanh sang đầu tư 100% vốn nước ngoài.

- Giải thể doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoặc chấm dứt Hợp đồng hợp tác kinh doanh trước thời hạn.

4. Ban quản lý quyết định giải thể doanh nghiệp và thu hồi các Giấy phép đầu tư theo quy định hiện hành.

**Điều 8.** Hàng quý, 6 tháng và hàng năm, Ban quản lý tổng hợp việc cấp Giấy phép đầu tư, điều chỉnh Giấy phép đầu

tư, tình hình hoạt động của các doanh nghiệp trong các Khu công nghiệp, Khu chế xuất thuộc phạm vi quản lý và gửi báo cáo tới Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam.

**Điều 9.** Bộ Kế hoạch và Đầu tư tạo mọi điều kiện thuận lợi và kiểm tra Ban quản lý thực hiện các việc được ủy quyền theo đúng quy định, chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Chính phủ về việc ủy quyền quy định tại Quyết định này.

**Điều 10.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo./.

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư

**VÕ HỒNG PHÚC**

**BỘ TÀI CHÍNH**

**THÔNG TƯ số 98/2003/TT-BTC**  
ngày 14/10/2003 hướng dẫn  
quản lý, sử dụng chi phí quản  
lý dự án đầu tư từ nguồn vốn  
ngân sách nhà nước.

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP

ngày 05/11/2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ; Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ; Nghị định số 07/2003/NĐ-CP ngày 30/01/2003 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 và Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05/5/2000 của Chính phủ;

Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng chi phí quản lý dự án đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước tại đơn vị chủ đầu tư như sau:

*Phần I*

**QUY ĐỊNH CHUNG**

1. Chi phí quản lý dự án đầu tư là toàn bộ chi phí cần thiết do chủ đầu tư sử dụng để thực hiện nhiệm vụ quản lý trong suốt quá trình đầu tư của dự án, bao gồm: